TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Ngữ văn **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	600004	THẠCH THÀNH	ĐẠT	24/09/2013	Nam	6A2	
2	600011	DANH THANH	HUY	22/01/2013	Nam	6A5	
3	600014	TRẦN NHẤT	KHANG	20/12/2012	Nam	6A5	
4	600015	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	21/05/2013	Nam	6A1	
5	600016	HỮU ĐĂNG	KHÔI	26/10/2013	Nam	6A5	
6	600021	NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	16/01/2012	Nam	6A1	
7	600023	TRẦN TRỌNG	NHÂN	25/08/2012	Nam	6A2	
8	600024	TRẦN MINH	PHƯỚC	24/04/2013	Nam	6A4	
9	600025	CAO NGỌC	THÁI	20/11/2012	Nam	6A5	
10	600027	NGUYỄN KHÁNH	THUẬN	06/08/2011	Nam	6A4	
11	600032	LÂM BẢO	XUYÊN	16/11/2012	Nam	6A2	
12	800003	TRẦN NHỰT	DUY	05/01/2011	Nam	8A3	
13	800005	HUỲNH CHÍ	ĐẠI	15/04/2011	Nam	8A4	
14	800008	NGUYỄN HOÀNG	HÀO	15/12/2011	Nam	8A1	
15	800009	NGUYỄN MINH	HIỂN	12/05/2011	Nam	8A4	
16	800011	ĐINH MẠNH	HUỲNH	17/05/2011	Nam	8A3	
17	800013	TRẦN NGUYỄN DUY	KHANG	09/06/2011	Nam	8A2	
18	800014	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	14/09/2011	Nam	8A5	
19	800024	NGUYỄN TRI	PHƯƠNG	21/10/2011	Nam	8A4	
20	800025	TRỊNH QUỐC	QUÝ	15/05/2011	Nam	8A2	
21	800027	NGUYỄN MINH	TÀI	14/11/2011	Nam	8A4	
22	800028	PHẠM NGỌC	TÂN	12/07/2011	Nam	8A4	
23	800029	NGUYỄN MINH	TIỀN	08/04/2010	Nam	8A2	

Danh sách có: 23 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Ngữ văn **Phòng thi số: 07**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	700001	LÊ GIA	BẢO	22/08/2012	Nam	7A2	
2	700005	NGUYỄN TUẤN	DUY	23/05/2011	Nam	7A2	
3	700007	LÊ NGUYỄN	DƯ	19/12/2011	Nam	7A3	
4	700008	VÕ CHÍ	DƯ	18/12/2012	Nam	7A6	
5	700011	TRƯƠNG CHÍ	ĐƯỢC	31/10/2011	Nam	7A4	
6	700012	BÙI VĂN	GẤU	30/09/2012	Nam	7A1	
7	700016	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	08/11/2012	Nam	7A5	
8	700017	HUỲNH GIA	HUY	28/10/2012	Nam	7A1	
9	700019	PHAN THỊ TRÚC	HUỲNH	15/11/2012	Nữ	7A6	
10	700025	TRẦN ANH	KIỆT	04/07/2012	Nam	7A3	
11	700026	NGUYỄN QUỐC	KIỆT	31/01/2012	Nam	7A6	
12	700029	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	26/08/2012	Nam	7A3	
13	700032	QUÁCH MỘNG	MUỘI	17/11/2012	Nữ	7A4	
14	700035	VÕ HOÀNG	NGUYÊN	06/08/2009	Nam	7A3	
15	700037	ĐẶNG PHAN THÀNH	NHÂN	13/09/2012	Nam	7A3	
16	700047	HỒ HOÀNG	TRỌNG	18/03/2012	Nam	7A3	
17	700048	HỨA THU	VÂN	29/01/2012	Nữ	7A4	

Danh sách có: 17 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Ngữ văn **Phòng thi số: 08**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100001	TRẦN LÝ THỊ LAN	ANH	28/07/2009	Nữ	10T3	
2	100007	VĂN CÔNG	HẢI	18/06/2009	Nam	10T3	
3	100010	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	19/10/2009	Nam	10T4	
4	100011	CAO MINH	KHA	11/10/2009	Nam	10T3	
5	100014	TRẦN ĐĂNG	KHOA	09/09/2009	Nam	10T4	
6	100015	BÙI HOÀNG	LĨNH	09/11/2009	Nam	10T3	
7	100016	NGUYỄN CHÍ	LỊNH	03/02/2009	Nam	10T3	
8	100018	NGUYỄN QUỐC	MINH	09/11/2009	Nam	10T4	
9	100021	NGUYỄN VŨ	NGƯNG	14/02/2009	Nam	10T4	
10	100023	PHAN CHÍ	NGUYỆN	29/06/2009	Nam	10T4	
11	100024	CAO TRỌNG	NHÂN	26/07/2009	Nam	10X2	
12	100026	HỨA HỮU	PHƯỚC	28/10/2008	Nam	10X2	
13	100027	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	01/01/2009	Nam	10T3	
14	100028	ĐẶNG QUỐC	THÁI	12/05/2009	Nam	10T4	
15	100030	DƯƠNG CHÍ	THIỆN	15/01/2009	Nam	10T3	
16	100031	HUỲNH MINH	THIỆN	07/06/2009	Nam	10T4	
17	100033	LÊ NHÂN	THỨC	11/01/2009	Nam	10T3	
18	100036	NGUYỄN TRÍ	TOÁN	27/02/2009	Nam	10T4	
19	100040	NGUYỄN LÊ	TỨ	21/06/2009	Nam	10X4	
20	100043	HUỲNH TẤN	VỸ	12/11/2009	Nam	10T3	
21	110001	ĐỖ NHỰT	ANH	05/05/2008	Nam	11X2	
22	110002	LÊ LƯ TRÍ	BẰNG	11/10/2008	Nam	11X3	
23	110003	NGUYỄN ĐỨC	DUY	12/11/2008	Nam	11T2	
24	110004	LƯU CHÍ	ĐẠI	10/01/2008	Nam	11X3	
25	110006	PHAN NGỌC	HIỂN	04/10/2008	Nam	11X1	
26	110008	LÂM NGUYỄN DUY	KHANG	03/10/2008	Nam	11T1	
27	110009	DƯƠNG TẤN	KHANG	18/12/2008	Nam	11X1	

Danh sách có: 27 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Toán **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	600001	TRỊNH HOÀI	AN	14/06/2013	Nam	6A5	
2	600002	NGUYỄN DUY	BẰNG	05/12/2011	Nam	6A5	
3	600003	NGUYỄN QUỐC	ĐẠI	28/12/2013	Nam	6A2	
4	600008	LIỄU GIA	HÂN	27/07/2012	Nữ	6A2	
5	600009	TRỊNH THỊ BÉ	HÂN	02/05/2013	Nữ	6A5	
6	600010	HUỲNH ĐÔNG	HÊ	24/09/2011	Nam	6A3	
7	600013	HUỲNH TRỌNG	KHANG	27/09/2012	Nam	6A2	
8	600015	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	21/05/2013	Nam	6A1	
9	600016	HỮU ĐĂNG	KHÔI	26/10/2013	Nam	6A5	
10	600017	TỪ THANH	LÂM	04/04/2013	Nam	6A3	
11	600020	NGUYỄN PHƯỚC	NGUYÊN	14/03/2013	Nam	6A4	
12	600022	NGUYỄN CHÍ	NGUYỄN	19/07/2012	Nam	6A4	
13	600023	TRẦN TRỌNG	NHÂN	25/08/2012	Nam	6A2	
14	600024	TRẦN MINH	PHƯỚC	24/04/2013	Nam	6A4	
15	600026	BÙI HOÀNG	THIỆN	19/06/2012	Nam	6A4	
16	600027	NGUYỄN KHÁNH	THUẬN	06/08/2011	Nam	6A4	
17	600028	LÊ THÁI	THUẬN	12/12/2013	Nam	6A5	
18	600030	LÝ NGUYỄN	TÍN	30/11/2012	Nam	6A5	

Danh sách có: 18 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Toán **Phòng thi số: 07**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	700001	LÊ GIA	BẢO	22/08/2012	Nam	7A2	
2	700002	THẠCH GIA	BẢO	15/06/2012	Nam	7A6	
3	700003	TRẦN PHƯƠNG	BÌNH	21/08/2012	Nam	7A4	
4	700006	PHẠM NHẬT	DUY	29/09/2012	Nam	7A2	
5	700009	NGUYỄN KIẾN	ĐẠT	29/09/2012	Nam	7A4	
6	700011	TRƯƠNG CHÍ	ĐƯỢC	31/10/2011	Nam	7A4	
7	700013	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	04/09/2012	Nữ	7A2	
8	700014	ĐẶNG GIA	HÂN	30/03/2012	Nữ	7A4	
9	700018	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUỲNH	06/04/2011	Nữ	7A5	
10	700020	LÊ NGỌC	KHÁ	30/11/2012	Nữ	7A2	
11	700021	LÝ TRƯỜNG	KHANG	21/05/2012	Nam	7A4	
12	700022	VÕ DUY	KHANG	22/06/2012	Nam	7A5	
13	700027	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	16/09/2012	Nữ	7A3	
14	700029	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	26/08/2012	Nam	7A3	
15	700030	PHẠM HOÀNG	LONG	18/12/2010	Nam	7A6	
16	700033	LÂM KIM	NGÂN	20/03/2012	Nữ	7A3	
17	700034	PHAN PHÚC	NGÂN	25/05/2012	Nữ	7A3	
18	700035	VÕ HOÀNG	NGUYÊN	06/08/2009	Nam	7A3	
19	700037	ĐẶNG PHAN THÀNH	NHÂN	13/09/2012	Nam	7A3	
20	700038	VÕ QUỐC	NHẬT	11/10/2012	Nam	7A3	
21	700039	NGUYỄN VIỆT	PHI	19/09/2012	Nam	7A1	
22	700040	TRẦN HẠO	PHI	23/04/2011	Nam	7A2	
23	700041	NGUYỄN	THỊNH	26/11/2012	Nam	7A3	
24	700042	LÊ GIA	THUẬN	01/09/2012	Nam	7A5	
25	700043	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	25/08/2012	Nữ	7A3	
26	700045	NGUYỄN TRÚC	TRINH	03/08/2012	Nữ	7A3	
27	700047	HỒ HOÀNG	TRỌNG	18/03/2012	Nam	7A3	
28	700048	HỨA THU	VÂN	29/01/2012	Nữ	7A4	

Danh sách có: 28 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Toán **Phòng thi số: 08**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	800001	CHÂU HUỲNH	ANH	26/02/2011	Nữ	8A1	
2	800004	NGUYỄN NHẬT	DUY	17/02/2010	Nam	8A5	
3	800008	NGUYỄN HOÀNG	HÀO	15/12/2011	Nam	8A1	
4	800009	NGUYỄN MINH	HIỂN	12/05/2011	Nam	8A4	
5	800010	PHAN MINH	HIẾU	29/10/2010	Nam	8A3	
6	800012	TRẦN ÂU GIA	HƯNG	23/03/2011	Nam	8A2	
7	800016	NGUYỄN THẢO	MY	30/10/2010	Nữ	8A1	
8	800018	HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	05/06/2011	Nam	8A1	
9	800019	TRẦN HỮU	NGHĨA	20/10/2011	Nam	8A3	
10	800020	LÂM MINH	NHỰT	12/12/2011	Nam	8A1	
11	800021	GIANG DI	PHÁT	10/01/2011	Nam	8A3	
12	800023	LÊ TRỌNG	PHÚC	08/08/2010	Nam	8A5	
13	800024	NGUYỄN TRI	PHƯƠNG	21/10/2011	Nam	8A4	
14	800025	TRỊNH QUỐC	QUÝ	15/05/2011	Nam	8A2	
15	800027	NGUYỄN MINH	TÀI	14/11/2011	Nam	8A4	
16	800028	PHẠM NGỌC	TÂN	12/07/2011	Nam	8A4	
17	800032	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	29/09/2010	Nam	8A3	
18	800033	PHẠM LINH	TƯỜNG	17/05/2011	Nữ	8A5	
19	800034	TRẦN HOÀNG MINH	VỸ	12/02/2011	Nam	8A2	

Danh sách có: 19 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Toán **Phòng thi số: 09**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100001	TRẦN LÝ THỊ LAN	ANH	28/07/2009	Nữ	10T3	
2	100003	TRẦN KHÁNH	BĂNG	10/08/2008	Nữ	10T4	
3	100005	TRƯƠNG CHÍ	ĐẠI	29/01/2009	Nam	10T4	
4	100009	BÙI DIỄM	HẰNG	29/03/2009	Nữ	10T2	
5	100012	PHẠM MINH	KHA	15/10/2008	Nam	10T4	
6	100014	TRẦN ĐĂNG	KHOA	09/09/2009	Nam	10T4	
7	100015	BÙI HOÀNG	LĨNH	09/11/2009	Nam	10T3	
8	100018	NGUYỄN QUỐC	MINH	09/11/2009	Nam	10T4	
9	100019	NGUYỄN CHÍ	NGOAN	20/11/2009	Nam	10T4	
10	100021	NGUYỄN VŨ	NGƯNG	14/02/2009	Nam	10T4	
11	100023	PHAN CHÍ	NGUYỆN	29/06/2009	Nam	10T4	
12	100024	CAO TRỌNG	NHÂN	26/07/2009	Nam	10X2	
13	100025	VÕ HỒNG	PHẤN	24/05/2009	Nữ	10T4	
14	100028	ĐẶNG QUỐC	THÁI	12/05/2009	Nam	10T4	
15	100030	DƯƠNG CHÍ	THIỆN	15/01/2009	Nam	10T3	
16	100031	HUỲNH MINH	THIỆN	07/06/2009	Nam	10T4	
17	100036	NGUYỄN TRÍ	TOÁN	27/02/2009	Nam	10T4	
18	100038	TRƯƠNG ĐANG	TRƯỜNG	02/06/2009	Nam	10T4	
19	100039	NGÔ NGỌC GIA	TRƯỜNG	26/07/2009	Nữ	10T4	
20	110006	PHAN NGỌC	HIỂN	04/10/2008	Nam	11X1	
21	110008	LÂM NGUYỄN DUY	KHANG	03/10/2008	Nam	11T1	
22	110010	HỒ VĂN	KHIÊM	24/06/2008	Nam	11X3	

Danh sách có: 22 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: KHTN (Vật lý - THPT) **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	600002	NGUYỄN DUY	BẰNG	05/12/2011	Nam	6A5	
2	600003	NGUYỄN QUỐC	ĐẠI	28/12/2013	Nam	6A2	
3	600005	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	13/11/2013	Nam	6A2	
4	600009	TRỊNH THỊ BÉ	HÂN	02/05/2013	Nữ	6A5	
5	600012	NGUYỄN TRỌNG	KHANG	25/03/2013	Nam	6A1	
6	600013	HUỲNH TRỌNG	KHANG	27/09/2012	Nam	6A2	
7	600015	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	21/05/2013	Nam	6A1	
8	600019	ĐÀO VĂN	MUN	14/06/2011	Nam	6A1	
9	600021	NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	16/01/2012	Nam	6A1	
10	600024	TRẦN MINH	PHƯỚC	24/04/2013	Nam	6A4	
11	600028	LÊ THÁI	THUẬN	12/12/2013	Nam	6A5	
12	700005	NGUYỄN TUẤN	DUY	23/05/2011	Nam	7A2	
13	700007	LÊ NGUYỄN	DƯ	19/12/2011	Nam	7A3	
14	700009	NGUYỄN KIẾN	ĐẠT	29/09/2012	Nam	7A4	
15	700012	BÙI VĂN	GẤU	30/09/2012	Nam	7A1	
16	700014	ĐẶNG GIA	HÂN	30/03/2012	Nữ	7A4	
17	700016	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	08/11/2012	Nam	7A5	
18	700025	TRẦN ANH	KIỆT	04/07/2012	Nam	7A3	
19	700044	LÂM VĂN	TÌNH	03/01/2012	Nam	7A5	

Danh sách có: 19 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: KHTN (Vật lý - THPT) **Phòng thi số: 07**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	800002	NGUYỄN NHẬT	DU	14/11/2011	Nam	8A2	
2	800003	TRẦN NHỰT	DUY	05/01/2011	Nam	8A3	
3	800008	NGUYỄN HOÀNG	HÀO	15/12/2011	Nam	8A1	
4	800009	NGUYỄN MINH	HIỂN	12/05/2011	Nam	8A4	
5	800010	PHAN MINH	HIẾU	29/10/2010	Nam	8A3	
6	800021	GIANG DI	PHÁT	10/01/2011	Nam	8A3	
7	800023	LÊ TRỌNG	PHÚC	08/08/2010	Nam	8A5	
8	800024	NGUYỄN TRI	PHƯƠNG	21/10/2011	Nam	8A4	
9	800025	TRỊNH QUỐC	QUÝ	15/05/2011	Nam	8A2	
10	800026	NGUYỄN CHÍ	TÀI	16/07/2011	Nam	8A3	
11	800027	NGUYỄN MINH	TÀI	14/11/2011	Nam	8A4	
12	800028	PHẠM NGỌC	TÂN	12/07/2011	Nam	8A4	
13	800032	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	29/09/2010	Nam	8A3	
14	800034	TRẦN HOÀNG MINH	VỸ	12/02/2011	Nam	8A2	
15	110006	PHAN NGỌC	HIỂN	04/10/2008	Nam	11X1	Vật lý
16	110008	LÂM NGUYỄN DUY	KHANG	03/10/2008	Nam	11T1	Vật lý
17	110009	DƯƠNG TẤN	KHANG	18/12/2008	Nam	11X1	Vật lý

Danh sách có: 17 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Hóa học **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100001	TRẦN LÝ THỊ LAN	ANH	28/07/2009	Nữ	10T3	
2	100003	TRẦN KHÁNH	BĂNG	10/08/2008	Nữ	10T4	
3	100005	TRƯƠNG CHÍ	ĐẠI	29/01/2009	Nam	10T4	
4	100006	NGUYỄN VĂN	ĐIỀN	06/04/2009	Nam	10T4	
5	100007	VĂN CÔNG	HẢI	18/06/2009	Nam	10T3	
6	100010	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	19/10/2009	Nam	10T4	
7	100014	TRẦN ĐĂNG	KHOA	09/09/2009	Nam	10T4	
8	100015	BÙI HOÀNG	LĨNH	09/11/2009	Nam	10T3	
9	100017	TIÊU VĂN	LỊNH	30/07/2009	Nam	10T4	
10	100019	NGUYỄN CHÍ	NGOAN	20/11/2009	Nam	10T4	
11	100021	NGUYỄN VŨ	NGƯNG	14/02/2009	Nam	10T4	
12	100022	NGUYỄN NHẬT	NGUYÊN	20/09/2007	Nam	10T4	
13	100023	PHAN CHÍ	NGUYỆN	29/06/2009	Nam	10T4	
14	100025	VÕ HỒNG	PHẤN	24/05/2009	Nữ	10T4	
15	100028	ĐẶNG QUỐC	THÁI	12/05/2009	Nam	10T4	
16	100031	HUỲNH MINH	THIỆN	07/06/2009	Nam	10T4	
17	100034	TĂNG TRÍ	THỨC	20/09/2009	Nam	10T4	
18	100036	NGUYỄN TRÍ	TOÁN	27/02/2009	Nam	10T4	
19	100038	TRƯƠNG ĐANG	TRƯỜNG	02/06/2009	Nam	10T4	
20	100039	NGÔ NGỌC GIA	TRƯỜNG	26/07/2009	Nữ	10T4	
21	110003	NGUYỄN ĐỨC	DUY	12/11/2008	Nam	11T2	
22	110008	LÂM NGUYỄN DUY	KHANG	03/10/2008	Nam	11T1	
23	110012	HUỲNH TẤN	QUỐC	03/12/2008	Nam	11T1	

Danh sách có: 23 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Sinh học **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100005	TRƯƠNG CHÍ	ĐẠI	29/01/2009	Nam	10T4	
2	100010	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	19/10/2009	Nam	10T4	
3	100012	PHẠM MINH	KHA	15/10/2008	Nam	10T4	
4	100013	LÝ VỈNH	KHANG	16/10/2009	Nam	10T3	
5	100014	TRẦN ĐĂNG	KHOA	09/09/2009	Nam	10T4	
6	100015	BÙI HOÀNG	LĨNH	09/11/2009	Nam	10T3	
7	100016	NGUYỄN CHÍ	LỊNH	03/02/2009	Nam	10T3	
8	100017	TIÊU VĂN	LỊNH	30/07/2009	Nam	10T4	
9	100018	NGUYỄN QUỐC	MINH	09/11/2009	Nam	10T4	
10	100019	NGUYỄN CHÍ	NGOAN	20/11/2009	Nam	10T4	
11	100020	HÀN KIM	NGỌC	25/10/2009	Nữ	10T3	
12	100021	NGUYỄN VŨ	NGƯNG	14/02/2009	Nam	10T4	
13	100022	NGUYỄN NHẬT	NGUYÊN	20/09/2007	Nam	10T4	
14	100023	PHAN CHÍ	NGUYỆN	29/06/2009	Nam	10T4	
15	100027	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	01/01/2009	Nam	10T3	
16	100028	ĐẶNG QUỐC	THÁI	12/05/2009	Nam	10T4	
17	100030	DƯƠNG CHÍ	THIỆN	15/01/2009	Nam	10T3	
18	100031	HUỲNH MINH	THIỆN	07/06/2009	Nam	10T4	
19	100033	LÊ NHÂN	THỨC	11/01/2009	Nam	10T3	
20	100035	TRƯƠNG BẢO	THY	18/01/2009	Nữ	10T4	
21	100036	NGUYỄN TRÍ	TOÁN	27/02/2009	Nam	10T4	
22	100037	QUÁCH THẢO	TRANG	25/08/2009	Nữ	10T4	
23	100038	TRƯƠNG ĐANG	TRƯỜNG	02/06/2009	Nam	10T4	
24	100039	NGÔ NGỌC GIA	TRƯỜNG	26/07/2009	Nữ	10T4	
25	100042	PHẠM TRƯƠNG TƯỜNG	VY	15/11/2009	Nữ	10T3	
26	100043	HUỲNH TẤN	VỸ	12/11/2009	Nam	10T3	
27	110007	LÂM NHƯ	HUỲNH	12/02/2008	Nữ	11X5	
28	110014	PHAN BÃO	TRÂN	25/12/2008	Nữ	11X5	

Danh sách có: 28 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: LS-ĐL (Địa lí - THPT) **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	600002	NGUYỄN DUY	BẰNG	05/12/2011	Nam	6A5	
2	600004	THẠCH THÀNH	ĐẠT	24/09/2013	Nam	6A2	
3	600005	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	13/11/2013	Nam	6A2	
4	600006	HỨA MINH	ĐÔ	31/07/2013	Nam	6A1	
5	600007	TRẦN GIA	HÀO	25/12/2013	Nam	6A3	
6	600008	LIỄU GIA	HÂN	27/07/2012	Nữ	6A2	
7	600011	DANH THANH	HUY	22/01/2013	Nam	6A5	
8	600013	HUỲNH TRỌNG	KHANG	27/09/2012	Nam	6A2	
9	600017	TỪ THANH	LÂM	04/04/2013	Nam	6A3	
10	600019	ĐÀO VĂN	MUN	14/06/2011	Nam	6A1	
11	600022	NGUYỄN CHÍ	NGUYỄN	19/07/2012	Nam	6A4	
12	600024	TRẦN MINH	PHƯỚC	24/04/2013	Nam	6A4	
13	600025	CAO NGỌC	THÁI	20/11/2012	Nam	6A5	
14	600027	NGUYỄN KHÁNH	THUẬN	06/08/2011	Nam	6A4	
15	600028	LÊ THÁI	THUẬN	12/12/2013	Nam	6A5	
16	600029	HUỲNH TRÍ	THỨC	18/11/2012	Nam	6A4	
17	600030	LÝ NGUYỄN	TÍN	30/11/2012	Nam	6A5	
18	600031	HỒ ĐỨC	TRỌNG	23/04/2013	Nam	6A4	
19	600032	LÂM BẢO	XUYÊN	16/11/2012	Nam	6A2	

Danh sách có: 19 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: LS-ĐL (Địa lí - THPT) **Phòng thi số: 07**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	700001	LÊ GIA	BẢO	22/08/2012	Nam	7A2	
2	700003	TRẦN PHƯƠNG	BÌNH	21/08/2012	Nam	7A4	
3	700005	NGUYỄN TUẤN	DUY	23/05/2011	Nam	7A2	
4	700006	PHẠM NHẬT	DUY	29/09/2012	Nam	7A2	
5	700007	LÊ NGUYỄN	DƯ	19/12/2011	Nam	7A3	
6	700015	LÊ MINH	HIẾU	20/07/2012	Nam	7A2	
7	700016	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	08/11/2012	Nam	7A5	
8	700028	PHẠM THÀNH	LỘC	19/10/2011	Nam	7A2	
9	700036	LƯU TRỌNG	NGUYỄN	28/07/2012	Nam	7A2	
10	700047	HỒ HOÀNG	TRỌNG	18/03/2012	Nam	7A3	
11	800006	HUỲNH THÀNH	ĐẠT	21/06/2011	Nam	8A4	
12	800012	TRẦN ÂU GIA	HƯNG	23/03/2011	Nam	8A2	
13	800022	LÊ THÀNH	PHÚ	05/09/2011	Nam	8A3	
14	800023	LÊ TRỌNG	PHÚC	08/08/2010	Nam	8A5	
15	800027	NGUYỄN MINH	TÀI	14/11/2011	Nam	8A4	
16	800028	PHẠM NGỌC	TÂN	12/07/2011	Nam	8A4	
17	800030	LÊ THỊ BẢO	TRÂM	08/03/2011	Nữ	8A2	
18	800031	NGUYỄN BÉ	TRÂM	30/08/2009	Nữ	8A3	
19	800033	PHẠM LINH	TƯỜNG	17/05/2011	Nữ	8A5	
20	100024	CAO TRỌNG	NHÂN	26/07/2009	Nam	10X2	Địa lí
21	100032	TRIỆU GIA	THỊNH	23/04/2009	Nam	10X4	Địa lí
22	110001	ĐỖ NHỰT	ANH	05/05/2008	Nam	11X2	Địa lí
23	110002	LÊ LƯ TRÍ	BẰNG	11/10/2008	Nam	11X3	Địa lí
24	110003	NGUYỄN ĐỨC	DUY	12/11/2008	Nam	11T2	Địa lí
25	110010	HỒ VĂN	KHIÊM	24/06/2008	Nam	11X3	Địa lí
26	110013	HUỲNH KIẾN	QUỐC	16/02/2008	Nam	11X1	Địa lí
27	110014	PHAN BÃO	TRÂN	25/12/2008	Nữ	11X5	Địa lí

Danh sách có: 27 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Lịch sử **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	100001	TRẦN LÝ THỊ LAN	ANH	28/07/2009	Nữ	10T3	
2	100002	TRẦN TIẾN	ANH	31/07/2009	Nam	10T3	
3	100004	TRẦN HUYỀN	CHÂN	29/04/2008	Nữ	10T2	
4	100005	TRƯƠNG CHÍ	ĐẠI	29/01/2009	Nam	10T4	
5	100007	VĂN CÔNG	HẢI	18/06/2009	Nam	10T3	
6	100009	BÙI DIỄM	HẰNG	29/03/2009	Nữ	10T2	
7	100010	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	19/10/2009	Nam	10T4	
8	100013	LÝ VỈNH	KHANG	16/10/2009	Nam	10T3	
9	100015	BÙI HOÀNG	LĨNH	09/11/2009	Nam	10T3	
10	100017	TIÊU VĂN	LỊNH	30/07/2009	Nam	10T4	
11	100021	NGUYỄN VŨ	NGƯNG	14/02/2009	Nam	10T4	
12	100022	NGUYỄN NHẬT	NGUYÊN	20/09/2007	Nam	10T4	
13	100023	PHAN CHÍ	NGUYỆN	29/06/2009	Nam	10T4	
14	100024	CAO TRỌNG	NHÂN	26/07/2009	Nam	10X2	
15	100025	VÕ HỒNG	PHẤN	24/05/2009	Nữ	10T4	
16	100027	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	01/01/2009	Nam	10T3	
17	100028	ĐẶNG QUỐC	THÁI	12/05/2009	Nam	10T4	
18	100029	BÙI CHÍ	THANH	03/11/2009	Nam	10X3	
19	100033	LÊ NHÂN	THỨC	11/01/2009	Nam	10T3	
20	100036	NGUYỄN TRÍ	TOÁN	27/02/2009	Nam	10T4	
21	100039	NGÔ NGỌC GIA	TRƯỜNG	26/07/2009	Nữ	10T4	
22	100043	HUỲNH TẤN	VỸ	12/11/2009	Nam	10T3	
23	110001	ĐỖ NHỰT	ANH	05/05/2008	Nam	11X2	
24	110003	NGUYỄN ĐỨC	DUY	12/11/2008	Nam	11T2	
25	110004	LƯU CHÍ	ĐẠI	10/01/2008	Nam	11X3	
26	110005	LÊ TRUNG	HẬU	12/12/2008	Nam	11T3	
27	110008	LÂM NGUYỄN DUY	KHANG	03/10/2008	Nam	11T1	
28	110011	PHẠM TRÚC	LY	02/07/2008	Nữ	11T2	

Danh sách có: 28 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Tiếng Anh **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	600001	TRỊNH HOÀI	AN	14/06/2013	Nam	6A5	
2	600003	NGUYỄN QUỐC	ĐẠI	28/12/2013	Nam	6A2	
3	600005	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	13/11/2013	Nam	6A2	
4	600014	TRẦN NHẤT	KHANG	20/12/2012	Nam	6A5	
5	600015	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	21/05/2013	Nam	6A1	
6	600023	TRẦN TRỌNG	NHÂN	25/08/2012	Nam	6A2	
7	600025	CAO NGỌC	THÁI	20/11/2012	Nam	6A5	
8	600027	NGUYỄN KHÁNH	THUẬN	06/08/2011	Nam	6A4	
9	800002	NGUYỄN NHẬT	DU	14/11/2011	Nam	8A2	
10	800004	NGUYỄN NHẬT	DUY	17/02/2010	Nam	8A5	
11	100002	TRẦN TIẾN	ANH	31/07/2009	Nam	10T3	
12	100007	VĂN CÔNG	HẢI	18/06/2009	Nam	10T3	
13	100008	ĐINH CHÍ	HẢI	12/09/2009	Nam	10X3	
14	100010	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	19/10/2009	Nam	10T4	
15	100032	TRIỆU GIA	THỊNH	23/04/2009	Nam	10X4	
16	100033	LÊ NHÂN	THỨC	11/01/2009	Nam	10T3	
17	100041	VÕ HOÀNG	VŨ	11/01/2009	Nam	10X4	
18	110007	LÂM NHƯ	HUỲNH	12/02/2008	Nữ	11X5	
19	110014	PHAN BÃO	TRÂN	25/12/2008	Nữ	11X5	

Danh sách có: 19 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Tiếng Anh **Phòng thi số: 07**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	700001	LÊ GIA	BẢO	22/08/2012	Nam	7A2	
2	700003	TRẦN PHƯƠNG	BÌNH	21/08/2012	Nam	7A4	
3	700006	PHẠM NHẬT	DUY	29/09/2012	Nam	7A2	
4	700008	VÕ CHÍ	DƯ	18/12/2012	Nam	7A6	
5	700011	TRƯƠNG CHÍ	ĐƯỢC	31/10/2011	Nam	7A4	
6	700012	BÙI VĂN	GẤU	30/09/2012	Nam	7A1	
7	700022	VÕ DUY	KHANG	22/06/2012	Nam	7A5	
8	700023	HỒ ĐĂNG	KHOA	27/09/2012	Nam	7A4	
9	700024	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	04/09/2012	Nam	7A4	
10	700028	PHẠM THÀNH	LỘC	19/10/2011	Nam	7A2	
11	700040	TRẦN HẠO	PHI	23/04/2011	Nam	7A2	
12	700046	LỮ PHÚ	TRỌNG	26/12/2011	Nam	7A2	
13	700047	HỒ HOÀNG	TRỌNG	18/03/2012	Nam	7A3	
14	700048	HỨA THU	VÂN	29/01/2012	Nữ	7A4	

Danh sách có: 14 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Công nghệ **Phòng thi số: 06**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	600001	TRỊNH HOÀI	AN	14/06/2013	Nam	6A5	
2	600008	LIỄU GIA	HÂN	27/07/2012	Nữ	6A2	
3	600010	HUỲNH ĐÔNG	HÊ	24/09/2011	Nam	6A3	
4	600014	TRẦN NHẤT	KHANG	20/12/2012	Nam	6A5	
5	600017	TỪ THANH	LÂM	04/04/2013	Nam	6A3	
6	600018	TỪ VŨ	LINH	26/09/2012	Nam	6A3	
7	600019	ĐÀO VĂN	MUN	14/06/2011	Nam	6A1	
8	600021	NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	16/01/2012	Nam	6A1	
9	600022	NGUYỄN CHÍ	NGUYỄN	19/07/2012	Nam	6A4	
10	600026	BÙI HOÀNG	THIỆN	19/06/2012	Nam	6A4	
11	600029	HUỲNH TRÍ	THỨC	18/11/2012	Nam	6A4	
12	800001	CHÂU HUỲNH	ANH	26/02/2011	Nữ	8A1	
13	800007	HỒ NHẬT	HÀO	20/04/2010	Nam	8A1	
14	800008	NGUYỄN HOÀNG	HÀO	15/12/2011	Nam	8A1	
15	800015	BÙI NHẬT	LINH	21/05/2011	Nam	8A4	
16	800016	NGUYỄN THẢO	MY	30/10/2010	Nữ	8A1	
17	800017	NGUYỄN THANH	NGÂN	29/10/2010	Nữ	8A2	
18	800018	HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	05/06/2011	Nam	8A1	
19	800020	LÂM MINH	NHỰT	12/12/2011	Nam	8A1	
20	800029	NGUYỄN MINH	TIỀN	08/04/2010	Nam	8A2	
21	800030	LÊ THỊ BẢO	TRÂM	08/03/2011	Nữ	8A2	
22	800034	TRẦN HOÀNG MINH	VỸ	12/02/2011	Nam	8A2	

Danh sách có: 22 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN LỘC
KIỂM TRA LẠI TRONG HÈ
NĂM HỌC 2024-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH

Môn: Công nghệ **Phòng thi số: 07**

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	700003	TRẦN PHƯƠNG	BÌNH	21/08/2012	Nam	7A4	
2	700004	HỨA MINH	CHUẨN	16/12/2012	Nam	7A5	
3	700007	LÊ NGUYỄN	DƯ	19/12/2011	Nam	7A3	
4	700009	NGUYỄN KIẾN	ĐẠT	29/09/2012	Nam	7A4	
5	700010	HUỲNH VĂN HẢI	ĐĂNG	30/09/2012	Nam	7A4	
6	700011	TRƯƠNG CHÍ	ĐƯỢC	31/10/2011	Nam	7A4	
7	700016	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	08/11/2012	Nam	7A5	
8	700018	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUỲNH	06/04/2011	Nữ	7A5	
9	700021	LÝ TRƯỜNG	KHANG	21/05/2012	Nam	7A4	
10	700023	HỒ ĐĂNG	KHOA	27/09/2012	Nam	7A4	
11	700024	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	04/09/2012	Nam	7A4	
12	700029	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	26/08/2012	Nam	7A3	
13	700030	PHẠM HOÀNG	LONG	18/12/2010	Nam	7A6	
14	700031	MAI QUANG	MINH	26/09/2010	Nam	7A3	
15	700039	NGUYỄN VIỆT	PHI	19/09/2012	Nam	7A1	
16	700040	TRẦN HẠO	PHI	23/04/2011	Nam	7A2	
17	700044	LÂM VĂN	TÌNH	03/01/2012	Nam	7A5	
18	700048	HỨA THU	VÂN	29/01/2012	Nữ	7A4	

Danh sách có: 18 học sinh

Tân Lộc, ngày ... tháng ... năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG